TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 5 - 2022
V/v Ly hôn, trA chấp về nuôi con.

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Cường và bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên toà: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, trA chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đỗ Thị Hải C - sinh năm 1994; nơi ĐKHKTT: thôn HN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nơi ở: TKK, thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: A Lưu Đình T - sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: thôn HN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Đỗ Thị Hải C trình bày:* chị kết hôn với A Lưu Đình T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 28/5/2012. Sau khi kết hôn, A chị chung sống cùng bố mẹ A T tại thôn HN, xã TH, huyện TL. A chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; hơn nữa, A T mải chơi, không tu trí làm ăn, không chăm lo cho vợ con, không vun đắp cho gia đình, nên vợ chồng hay cãi chửi nhau, sống không có hạnh phúc. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo A T thay đổi, nhưng A T vẫn không chịu thay đổi; nên tháng 01 năm 2020, chị và các con đã về nhà mẹ đẻ

của chị ở TKK, thị trấn KK, huyện TL, tỉnh Hà Nam sinh sống. Sau đó, A T còn mắc vào tệ nạn xã hội là ma túy, phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đi chấp hành án ở Trại giam Nam Hà. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc đoàn tụ là không thể; nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A T.

- Về con chung: A chị có 02 con chung là Lưu QA - sinh ngày 11/5/2013 và Lưu T A - sinh ngày 28/7/2015; cả 02 cháu đều sống ổn định cùng với chị kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu A T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 04/01/2022 và trong Đơn xin vắng mặt ngày 05/4/2022, bị đơn - A Lưu Đình T trình bày:* A và chị Đỗ Thị Hải C đã kết hôn vào năm 2011, hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã ThA Hà. Sau khi kết hôn, A chị sống tại thôn HN, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam. A chị sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, không rõ nguyên nhân. Vợ chồng A chị không sống ly thân. Nay, chị C có đơn xin ly hôn, A hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lưu QA và Lưu T A. Sau khi ly hôn, A có nguyện vọng được nuôi cháu Lưu Quỳnh A.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: A không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai, cháu Lưu Quỳnh A trình bày:* cháu là con của bố Lưu Đình T và mẹ Đỗ Thị Hải C. Khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng duy nhất được ở với mẹ vì mẹ chăm sóc cháu chu đáo từ bé đến bây giờ.

** Xác minh tại UBND xã ThA Hà xác định:* chị Đỗ Thị Hải C và A Lưu Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam ngày 28/5/2012. Sau khi kết hôn, A chị chung sống cùng bố mẹ A T tại thôn HN, xã TH, huyện TL. A chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do A T và chị C đều không có việc làm, A chị sống phụ thuộc kinh tế vào bố mẹ A T, nên kinh tế vợ chồng khó khăn. Hơn nữa, A T mải chơi, không quan tâm, không chăm lo cho vợ con, không vun đắp cho gia đình, mắc vào tệ nạn xã hội là ma túy và phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nên vợ chồng A chị sống không có hạnh phúc. Đến năm 2020, A T chấp hành án ở Trại giam Nam Hà, từ đó vợ chồng A chị sống ly thân; chị C và 02 con chung của A chị về TKK, thị trấn KK, huyện TL sinh sống cùng mẹ chị C. Vì chị C nộp đơn ly hôn lên thẳng Tòa án, nên chính quyền, đoàn thể xã TH không tiến hành hòa giải vụ việc ly hôn giữa chị C và A T được. Quan điểm của chính quyền, đoàn thể xã ThA Hà như sau: nay, chị C xin ly hôn A T, địa phương thấy mâu thuẫn vợ chồng của A chị đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay, việc đoàn tụ là không thể, đề nghị Tòa án giải quyết cho A chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do A Lưu Đình T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

**** Tại phiên tòa,***

- Chị Đỗ Thị Hải C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với A T và được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu A T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản, công nợ và các vấn đề khác, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Hải C và và A Lưu Đình T. Về con chung: giao cháu Lưu QA - sinh ngày 11/5/2013 và cháu Lưu T A - sinh ngày 28/7/2015 cho chị Đỗ Thị Hải C trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Quỳnh A và cháu T A đủ 18 tuổi; A Lưu Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Đỗ Thị Hải C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị Hải C có cơ sở xác định quan hệ pháp luật trA chấp là "Ly hôn, trA chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là A Lưu Đình T hiện cư trú tại xã ThA Hà, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TL.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Hải C và A Lưu Đình T là tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn được vài năm thì A chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế vợ chồng khó khăn, A chị đều không có công việc ổn định; hơn nữa, A T mải chơi, không quan tâm, chăm lo cho vợ con, mắc vào tệ nạn xã hội là ma túy và phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", nên vợ chồng A chị sống không có hạnh phúc. A chị sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị C làm đơn xin ly hôn, A T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Hải C và A A Lưu Đình T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị C xin ly hôn A T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Đỗ Thị Hải C và A Lưu Đình T có 02 con chung là Lưu QA - sinh ngày 11/5/2013 và Lưu T A - sinh ngày 28/7/2015. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Quỳnh A và cháu T A hiện sống ổn định cùng chị C, cháu Quỳnh A có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, A T hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, nên A T không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của 02 cháu, điều kiện thực tế của chị C và A T; Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Quỳnh A và cháu T A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, là phù hợp với thực tế và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: do chị C không yêu cầu A T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị Đỗ Thị Hải C và A Lưu Đình T đều không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Đỗ Thị Hải C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 147, 228, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Hải C và A Lưu Đình T.

2. Về con chung: giao 02 cháu Lưu QA - sinh ngày 11/5/2013 và Lưu T A - sinh ngày 28/7/2015 cho chị Đỗ Thị Hải C trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Quỳnh A, T A đủ 18 tuổi; A Lưu Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đỗ Thị Hải C phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001267 ngày 21/12/2021.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã ThA Hà, huyện TL;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)